

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 72/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25/9/2024

V/v chia tài sản sau khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Yến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Kim Thị Sà Mết

2. Bà Trần Thị Phương Anh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Tào Diệu Như, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 260/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023 về chia tài sản sau khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lương Thị Út N, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Việt T, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn K, sinh năm 1984, địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bà Nguyễn Thị T1, địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3. Ông Trần Linh N1, sinh năm 1987, địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

4. Bà Phạm Thị Cẩm T2, sinh năm 1992, địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

5. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 2002, địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2023, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 28/12/2023, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn bà Lương Thị Út N, trình bày: Bà Lương Thị Út N và ông Nguyễn Việt T xây dựng hôn nhân vào năm 2001, đến năm 2011 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Quá trình chung sống có 02 người con tên Nguyễn Văn H, sinh năm 2002, Nguyễn Chí H1, sinh ngày 25/02/2010. Do trong quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, ý kiến, ông T thường xuyên đánh đập bà có khi phải nhập viện để điều trị, cuộc sống không thể tiếp tục nên bà có nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Việt T và đã được giải quyết ly hôn bằng Bản án số 91/2023/HNGĐ-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu. Tại Bản án số 91/2023/HNGĐ-ST, bà không yêu cầu giải quyết về tài sản chung giữa bà và ông T mà để tự thỏa thuận phân chia nhưng sau khi ly hôn bà và ông T không tự thỏa thuận được việc phân chia tài sản chung.

Nay bà yêu cầu phân chia tài sản chung của bà và ông T gồm:

- Phần đất trồng lúa thuộc thửa số 160, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu theo đo đạc thực tế có diện tích 6017,7m², đất đã được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/5/2004 do ông Nguyễn Việt T đứng tên. Nguồn gốc đất là của cha mẹ ruột bà là ông Lương Văn S và bà Huỳnh Thị H2 cho khoảng năm 2002, việc cho đất không làm hợp đồng.
- 5.200m² đất trồng lúa thuộc thửa số 1237 tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, đất đã được UBND huyện V cấp ngày 02/4/2008 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Việt T đứng tên. Nguồn gốc đất là chuyển nhượng của ông Trần Văn H3 vào năm 2008.

Bà N yêu cầu được quản lý, sử dụng phần đất diện tích theo đo đạc thực tế là 5.200m² đất trồng lúa thuộc thửa số 1237 tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, đồng ý giao cho ông Nguyễn Việt T phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 6017,7m², thửa số 160, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Nếu có chênh lệch về giá trị thì bà không yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ hoàn trả phần giá trị chênh lệch cho bà, không yêu cầu giải quyết đối với tiền thuê đất của vợ chồng ông N1, vợ chồng ông K.

Bà Lương Thị Út N yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc yêu cầu chia 122 bình ga loại 12kg, 12,5kg; không yêu cầu chia phần đất ở, đất vườn tạp tại thửa 171, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu đã nhiều lần trực tiếp đến nhà ông Nguyễn Việt T để tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T không đến Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu theo giấy mời nên không ghi nhận được ý kiến của ông T đối với yêu cầu khởi kiện của bà N xem như ông T từ bỏ quyền lợi của mình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Ông bà có thuê phần đất trồng lúa diện tích 4,5 công tầm cây với giá 8.500.000 đồng/năm của ông Nguyễn Việt T, việc thuê đất không làm văn bản giấy tờ, chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Tính theo năm thuê đất thì đến tháng 3 năm 2025 hết hạn thuê, ông phải giao trả đất cho ông T, tiền thuê đất vợ chồng ông trả cho ông T đầy đủ, không nợ tiền. Nay giữa ông T và bà N tranh chấp phần đất ông đang thuê thì Tòa án giải quyết giao đất cho ai thì ông trả cho người đó, ông không có ý kiến gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Linh N1, bà Phạm Thị Cẩm T2 trình bày: Năm 2022, vợ chồng ông thuê phần đất trồng lúa diện tích 4 công tầm cây tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, thỏa thuận thuê theo năm, giá thuê 2.000.000 đồng/công tầm cây (1296m²)/năm, việc thuê đất chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không có hợp đồng, thỏa thuận thuê, thanh toán tiền thuê trực tiếp với ông T, không thỏa thuận với bà N, đến cuối tháng 02 năm 2025 hết hạn thuê đất. Ông bà chỉ thuê đất hằng năm để canh tác. Việc ông T, bà N có tranh chấp về chia tài sản chung khi ly hôn, ông bà không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án này. Tòa án giải quyết giao đất cho ai thì ông bà đồng ý trả đất cho người đó.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh là con của ông Nguyễn Việt T, bà Lương Thị Út N. Phần đất ông T và bà N đang tranh chấp là tài sản của ông T, bà N, anh không có công sức đóng góp trong khối tài sản chung này do đó anh không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến giải quyết vụ án về nội dung như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 213, Điều 219 Bộ luật Dân sự; Điều 59, Điều 62 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà N, chia đôi tài sản chung là phần đất trồng lúa tại ấp B, ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà N về việc yêu cầu chia 122 bình ga, phần đất ở, vườn tạp tại thửa 171, tờ bản đồ số 3. Án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng bà N, ông T phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Lương Thị Út N yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn với ông Nguyễn Việt T, hiện nay ông T đang cư trú tại ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Bà Lương Thị Út N có mặt, anh Nguyễn Văn H, ông Trần Linh N1, bà Phạm Thị Cẩm T2, ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị T1 có yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông Nguyễn Việt T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về yêu cầu chia tài sản chung: Bà Lương Thị Út N xác định bà và ông Việt T có tài sản chung là 02 phần đất trồng lúa tọa lạc tại ấp B và ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Theo biên bản xem xét, thẩm định và định giá tài sản tranh chấp thì tài sản bà N yêu cầu có vị trí, diện tích như sau:

Phần 1: Phần đất trồng lúa tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu thuộc 1 phần thửa 170, 1 phần thửa 201 và 1 phần thửa 202, tờ số 4 (thửa 160, tờ bản đồ số 3 cũ) do ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị T1 đang thuê theo năm, đất có vị trí, diện tích như sau:

- Hướng Đông giáp thửa 170, 202
- Hướng Tây giáp thửa 201
- Hướng Nam giáp thửa 202, 246
- Hướng Bắc giáp thửa 183

Diện tích 6017,7m²

Đất trồng lúa, tại thời điểm xem xét, thẩm định đất vừa thu hoạch lúa xong, đang bỏ trống.

Giá trị đất theo Biên bản định giá đất tranh chấp có giá 65.000.000 đồng/công tầm cây (1296m²) = 65.000.000 đồng/1296m² = 50.154 đồng/m², giá trị đất: 6017,7m² x 50.154 đồng = 301.811.725 đồng.

Phần 2: Phần đất trồng lúa tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu thuộc thửa 150, tờ bản đồ số 4 (thửa 1237, tờ số 3 cũ) do ông Trần Linh N1 và bà Phạm Thị Cẩm T2 đang thuê.

- Hướng Đông giáp đất ông Hồ Văn T3
- Hướng Tây giáp đất ông Trần Văn H3
- Hướng Nam giáp đất ông Huỳnh Văn K1
- Hướng Bắc giáp đất ông Trần Văn H3

Diện tích 5.200m²

Đất trồng lúa, tại thời điểm xem xét, thăm định đất vừa thu hoạch lúa xong, đang bỏ trống.

Giá trị đất theo Biên bản định giá đất tranh chấp có giá 65.000.000 đồng/công tâm cây (1296m²) = 65.000.000 đồng/1296m² = 50.154 đồng/m², giá trị đất: 5200m² x 50.154 đồng = 260.800.800 đồng.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, theo Bản án hôn nhân gia đình số 91/2023/HNGĐ-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi giải quyết xử cho bà Lương Thị Út N ly hôn với ông Nguyễn Việt T. Tại mục [2] của bản án đã nhận định “Chị N và anh T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2001, đến năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V theo giấy chứng nhận kết hôn số 129/2011, ngày 11/7/2011...”. Do đó, có cơ sở xác định bà N và ông T chung sống với nhau vào năm 2001. Đây là tình tiết đã được chứng minh bằng bản án có hiệu lực pháp luật. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và lời khai của bà N đều xác định đây là tài sản chung của bà và ông T tạo lập trong thời gian chung sống nên bà thống nhất đây là tài sản chung của ông bà.

[4] Bà N yêu cầu chia tài sản là 02 phần đất trồng lúa tọa lạc tại ấp B và ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Hiện nay đất do vợ chồng ông Trần Văn K và vợ chồng ông Trần Linh N1 đang thuê. Theo ông K, bà T1 và ông N1, bà T2 trình bày thì việc thuê đất với ông T không làm hợp đồng, chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Trường hợp Tòa án giải quyết thì ông K, bà T1 và ông N1, bà T2 đồng ý giao trả lại đất và không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án này.

[5] Do đó, cần chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bà N. Bà N yêu cầu nhận phần đất trồng lúa diện tích 5200m² tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, đồng ý giao phần đất trồng lúa diện tích 6017,7m² tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu cho ông T quản lý, sử dụng. Phần đất ông T được quản lý, sử dụng có diện tích, giá trị nhiều hơn phần đất bà N yêu cầu được nhận nhưng bà N không yêu cầu ông T phải hoàn giá trị chênh lệch cho bà nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của N đối với ông T về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn đối với phần đất trồng lúa tại 1 phần thửa 170, 1 phần thửa 201 và 1 phần thửa 202, tờ số 4 (thửa 160, tờ bản đồ số 3 cũ) tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu và phần đất trồng lúa thuộc thửa 150, tờ bản đồ số 4 (thửa 1237, tờ số 3 cũ) ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Buộc vợ chồng ông K, bà T1 và vợ chồng ông N1, bà T2 phải giao trả lại đất cho ông T, bà N. Do ông K, bà

T1, ông N1, bà T2 không có yêu cầu gì trong vụ án này nên không xét xét, giải quyết đối với hợp đồng thuê đất giữa ông T với ông K, bà T1 và giữa ông T với ông N1, bà T2.

[7] Do bà N rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia 122 bình ga loại 12kg, 12,5kg, không yêu cầu chia phần đất ở, vườn tạp tại thửa 171, tờ bản đồ số 3 đất tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Xét đây là ý chí tự nguyện của bà N nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà N đối với việc yêu cầu chia 122 bình ga loại 12kg, 12,5kg, phần đất ở, đất vườn tạp tại thửa 171, tờ bản đồ số 3 đất tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu

[8] Chi phí tố tụng: Bà N và ông T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản là 15.336.433 đồng. Bà N phải chịu 7.668.216 đồng, ông T phải chịu 7.668.216 đồng. Bà N đã nộp 15.336.433 đồng và đã chi phí hết. Bà N được nhận lại 7.668.216 đồng từ tiền ông T nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà N phải chịu đối với phần đất bà được hưởng là $260.800.800 \text{ đồng} \times 5\% = 13.040.040 \text{ đồng}$. Bà N đã nộp tạm ứng án phí 6.250.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003792 ngày 04/12/2023 và 1.125.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003833 ngày 28/12/2023 được chuyển thu án phí, bà N phải nộp thêm số tiền 5.665.040 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, ông T phải chịu là $301.811.725 \text{ đồng} \times 5\% = 15.090.586 \text{ đồng}$.

[10] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 164, Điều 165, Điều 217, Điều 218, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 244, Điều 235, Điều 262, Điều 264, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 213, Điều 219 Bộ luật Dân sự;

- Các điều 33, 59, 62 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

Tuyên xử :

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị Út N về việc yêu cầu chia tài sản chung với ông Nguyễn Việt T.

2. Giao cho bà Lương Thị Út N phần đất trồng lúa tại thửa 150, tờ số 4 (thửa 1237, tờ bản đồ số 3 cũ) có diện tích 5200m² tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, đất có vị trí như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông Hồ Văn T3
- Hướng Tây giáp đất ông Trần Văn H3
- Hướng Nam giáp đất ông Huỳnh Văn K1
- Hướng Bắc giáp đất ông Trần Văn H3

Buộc ông Nguyễn Việt T, ông Trần Linh N1, bà Phạm Thị Cẩm T2 giao cho bà Lương Thị Út N phần đất này.

3. Giao cho ông Nguyễn Việt T phần đất trồng lúa thuộc 1 phần thửa 170, 1 phần thửa 201 và 1 phần thửa 202, tờ số 4 (thửa 160, tờ bản đồ số 3 cũ) có diện tích 6017,7m² tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, đất có vị trí như sau:

- Hướng Đông giáp thửa 170, 202
- Hướng Tây giáp thửa 201
- Hướng Nam giáp thửa 202, 246
- Hướng Bắc giáp thửa 183

Buộc ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ giao lại giao cho ông Nguyễn Việt T phần đất này.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu chia tài sản chung của bà Lương Thị Út N đối với ông Nguyễn Việt T về việc yêu cầu chia 122 bình ga, phần đất ở và phần đất vườn tại thửa 171, tờ bản đồ số 3 đất tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

5. Bà Lương Thị Út N, ông Nguyễn Việt T có quyền và nghĩa vụ liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục xác lập quyền sử dụng đất đối với phần đất được hưởng theo quy định pháp luật (Bản vẽ mặt bằng hiện trạng sử dụng đất là phần không thể tách rời của Bản án).

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Chi phí tố tụng: Bà Lương Thị Út N và ông Nguyễn Việt T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản là 15.336.433 (Mười lăm triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi ba) đồng. Bà N phải chịu 7.668.216 (Bảy triệu sáu trăm sáu

mười tám nghìn hai trăm mười sáu) đồng, ông T phải chịu 7.668.216 (Bảy triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm mười sáu) đồng. Bà N đã nộp 15.336.433 đồng và đã chi phí hết. Bà N được nhận lại 7.668.216 (Bảy triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm mười sáu) đồng từ tiền ông T nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi.

8. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Lương Thị Út N phải chịu 13.040.040 (Mười ba triệu không trăm bốn mươi nghìn không trăm bốn mươi) đồng. Bà N đã nộp tạm ứng án phí 6.250.000 (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003792 ngày 04/12/2023 và 1.125.000 (Một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003833 ngày 28/12/2023 được chuyển thu án phí, bà N phải nộp thêm số tiền 5.665.040 (Năm triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn không trăm bốn mươi) đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, ông Nguyễn Việt T phải chịu là 15.090.586 (Mười lăm triệu không trăm chín mươi nghìn năm trăm tám mươi sáu) đồng.

9. Về quyền kháng cáo: Bà Lương Thị Út N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Việt T, ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị T1, ông Trần Linh N1, bà Phạm Thị Cẩm T2, anh Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lợi
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hoàng Yến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

